

PHỤ LỤC
DANH MỤC HÓA CHẤT VẬT TƯ TIÊU HAO YÊU CẦU BÁO GIÁ
(Kèm theo TMBG số: 66 /TM-VDD ngày 26 tháng 5 năm 2023)

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1.	Acetonitrile for liquid chromatography	Hóa chất tinh khiết phân tích dùng cho máy sắc ký lỏng, dùng được cho chế độ gradient. Độ tinh khiết $\geq 99,9\%$. Cặn bay hơi $\leq 2,0$ mg/l; hàm lượng nước $\leq 0,02\%$. Quy cách: chai (≥ 4 lít/chai). Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17025.	Chai 4 lít	2	
2.	Acetonitrile for LC/MS/MS	Hóa chất tinh khiết phân tích dùng cho máy sắc ký lỏng khối phổ. Độ tinh khiết $\geq 99,97\%$. Cặn bay hơi $\leq 1,0$ mg/l; hàm lượng nước $\leq 0,01\%$. Quy cách: chai ($\geq 2,5$ lít/chai). Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17025.	Chai 2.5L	1	
3.	Acid chlohydric	Hóa chất tinh khiết dùng cho phân tích. Độ tinh khiết $\geq 37\%$. Tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng: ACS, ISO, Reag.Ph Eur. Chất không bay hơi ≤ 10 ppm. Quy cách: chai (≥ 1 lít/chai). Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17025.	chai 1 lít	1	
4.	Acid sulfuric 95%	Hóa chất tinh khiết dùng cho phân tích. Độ tinh khiết $\geq 95\%$. Quy cách:	chai 1 lít	2	

		chai (≥ 1 lít/chai). Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17025.			
5.	Amyloglucosidase (Aspergillus niger)	Nguồn gốc từ Aspergillus niger. Enzym sử dụng cho phân tích chất xơ, tinh bột. Hàm lượng 50 % (v/v) trong Glycerol. Hoạt độ: ~ 3.260 U/mL (40°C, pH 4,5 đối với tinh bột hòa tan); ~ 200 U/mL (40°C, pH 4,5 trên với p-nitrophenyl β -maltoside). Bảo quản 2-8°C. Tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17025.	Chai 40ml	1	
6.	Boric acid	Độ tinh khiết $\geq 99,5$ %. Tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng: ACS, ISO, Reag.Ph Eur. Giá trị pH (3,3 %, nước) 3,8 - 4,8.	Hộp 1kg	1	
7.	Đầu lọc mẫu PTFE 0.45 μ m, đường kính 15 mm	Kích cỡ lỗ lọc 0,45 μ m, đường kính 15 mm, chất liệu PTFE. Dùng cho cả dung môi và nước. Quy cách: hộp (≥ 50 chiếc/hộp). Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Hộp 50 chiếc	2	
8.	Ethanol absolute for analysis	Hóa chất tinh khiết dùng cho phân tích, độ tinh khiết $\geq 99,9$ %. Cặn bay hơi $\leq 0,0005$ %, hàm lượng nước $\leq 0,1$ %. Quy cách: chai (2,5 lít/chai).	Chai 2.5 lít	2	
9.	Găng tay nitrile không bột	Tiêu chuẩn ISO 9001:2008, găng tay y tế không có bột cỡ S và M.	Hộp 100 chiếc	2	

		Qui cách hộp (≥ 100 chiếc/hộp)			
10.	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang 4 lớp. Có thanh nhôm kim loại tạo sự ôm kít mặt. Thành phần: gạc không dệt, màng lọc khuẩn. Khử khuẩn bằng EO. Quy cách: hộp (≥ 50 chiếc/hộp).	Hộp 50 chiếc	2	
11.	Khí Argon	Độ tinh khiết: 99.999 %. Quy cách: bình 40 lít.	Bình 40 lít	5	
12.	Lọ đựng mẫu 1.8 ml	Sử dụng cho máy HPLC/GC. Chất liệu thủy tinh, có vạch chia thể tích và nhãn ghi, cổ lọ đường kính 9 mm, có nắp nhựa xoáy và septa bằng chất liệu PTFE/ silicone, có giấy chứng nhận kèm theo. Quy cách: hộp (≥ 100 chiếc/hộp). Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Hộp 100 chiếc	2	
13.	Màng lọc cellulose acetate	Chất liệu cellulose acetate. Kích cỡ lỗ lọc $0.45\text{ }\mu\text{m}$, đường kính 47 mm. Quy cách: hộp (≥ 100 chiếc/hộp). Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Hộp 100 chiếc	1	
14.	Methanol for liquid chromatography	Hóa chất tinh khiết phân tích dùng cho máy sắc ký lỏng, dùng được cho chế độ gradient. Độ tinh khiết $\geq 99,8\%$. Cặn bay hơi $\leq 3,0\text{ mg/l}$. Hàm lượng nước $\leq 0,03\%$. Quy cách: chai (≥ 4 lít/chai). Nhà sản xuất đạt tiêu	Chai 4 lít	2	

		chuẩn ISO 9001, ISO 17025.			
15.	Ống chuẩn HCl 0.1N	Nồng độ sau khi pha loãng tới 1 lít là 0.1N, kèm giấy chứng nhận phân tích. Quy cách: ống. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17025.	ống	2	
16.	Ống Fancol 50 ml	Tiệt trùng. Chịu được hóa chất, dung môi. Nắp xoáy kín 3 vòng, có vùng ghi nhãn. Chịu được lực ly tâm tối đa 17000 x g. Quy cách: túi (≥ 25 chiếc/túi). Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Túi 25 chiếc	2	
17.	Petroleum ether	Hóa chất tinh khiết dùng cho phân tích. Khoảng chưng cất: 30-60 °C; độ màu (APHA) ≤ 10 APHA; cặn bay hơi $\leq 0,001$ %. Quy cách: chai (≥ 1 lít/chai). Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17025.	Chai 1 lít	3	
18.	Dụng cụ phân phối dung môi 2-10ml	Thẻ tích hút 2-10 ml. Độ chia vạch 0,25 ml. Sai số thẻ tích $\pm 0,6$ %. Sai số tương đối giữa các lần hút $\leq 0,2$ %. Chịu được dung môi hóa chất. Ren tiêu chuẩn phù hợp với hầu hết các loại chai lọ thông thường trong phòng thí nghiệm. Dễ dàng tháo rời để vệ sinh. Bộ phân phối có thể điều chỉnh theo các bước cố định để phân phối chất	Cái	1	

		lỏng đảm bảo độ bền và độ chính xác liên tục. Có thể khóa lại sau khi sử dụng để tránh thất thoát thuốc thử. Quy cách: chiếc.			
19.	Dụng cụ phân phối dung môi 5-30ml	Thế tích hút 5-30 ml. Độ chia vạch 0,5 ml. Sai số thế tích $\pm 0,6 \%$. Sai số tương đối giữa các lần hút $\leq 0,2 \%$. Chịu được dung môi hóa chất. Ren tiêu chuẩn phù hợp với hầu hết các loại chai lọ thông thường trong phòng thí nghiệm. Dễ dàng tháo rời để vệ sinh. Bộ phân phối có thể điều chỉnh theo các bước cố định để phân phối chất lỏng đảm bảo độ bền và độ chính xác liên tục. Có thể khóa lại sau khi sử dụng để tránh thất thoát thuốc thử. Quy cách: chiếc.	Cái	1	
20.	Water for chromatography	Dùng cho LC-MS, cặn bay hơi $\leq 5 \text{ mg/l}$. Quy cách: chai ($\geq 2,5 \text{ lít/chai}$). Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17025.	chai 2.5 lít	1	

		lỏng đảm bảo độ bền và độ chính xác liên tục. Có thể khóa lại sau khi sử dụng để tránh thất thoát thuốc thử. Quy cách: chiếc.			
19.	Dụng cụ phân phối dung môi 5-30ml	Thể tích hút 5-30 ml. Độ chia vạch 0,5 ml. Sai số thể tích $\pm 0,6 \%$. Sai số tương đối giữa các lần hút $\leq 0,2 \%$. Chịu được dung môi hóa chất. Ren tiêu chuẩn phù hợp với hầu hết các loại chai lọ thông thường trong phòng thí nghiệm. Dễ dàng tháo rời để vệ sinh. Bộ phân phối có thể điều chỉnh theo các bước cố định để phân phối chất lỏng đảm bảo độ bền và độ chính xác liên tục. Có thể khóa lại sau khi sử dụng để tránh thất thoát thuốc thử. Quy cách: chiếc.	Cái	1	
20.	Water for chromatography	Dùng cho LC-MS, cặn bay hơi $\leq 5 \text{ mg/l}$. Quy cách: chai ($\geq 2,5 \text{ lít/chai}$). Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 17025.	chai 2.5 lít	1	
Tổng: 20 mục					